TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số:17 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 01/ 8 / 2018
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 08 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 06 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Đàm Thị H, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Đội S, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Tòa X, kí túc xá M, Công ty S, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bị đơn: Anh Trương Văn Q, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đội S, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Đàm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn Q sau một thời gian tìm hiểu yêu thương nhau thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, anh chị về chung sống với nhau từ tháng 2 năm 2008 nhưng đến ngày 19 tháng 01 năm 2009 mới đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận đăng

ký kết hôn số 06 ngày 14 tháng 01 năm 2009. Sau khi về chung sống một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, từ đó nên vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã, xảy ra va chạm xúc phạm nhau. Dù bản thân cả hai vợ chồng đã cố gắng thay đổi để hòa hợp hơn và gia đình hai bên cũng có khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn của vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Vì không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên chị H đi làm ăn ở tỉnh Thái Nguyên từ năm 2015 cho đến nay, và cũng từ đó đến nay vợ chồng anh chị hoàn toàn bỏ mặc nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, ai biết bổn phận người đó. Hiện nay vợ chồng không còn cơ hội để quay về đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nguyện vọng của chị H là xin được ly hôn với anh Trương Văn Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là: Trương Sỹ L, sinh ngày 20/06/2009. Hiện nay anh Q đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng của chị H là giao cháu Trương Sỹ L cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành vì hiện nay chị đi làm xa không có nơi cư trú ổn định, thu nhập thấp nên không có điều kiện để chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung chị Đàm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Trương Văn Q cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tại phiên toà hôm nay, anh Trương Văn Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận, nguyên đơn chị Đàm Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về hôn nhân xin được ly hôn với anh Trương Văn Q; Về con chung: giao con chung là Trương Sỹ L sinh ngày 20/06/2009 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) để nuôi cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng

Dân sự. Bị đơn anh Trương Văn Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định Đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83, Điều 107; Điều 110; Điều 117; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Đàm Thị H được ly hôn với anh Trương Văn Q; Về con chung: Giao con chung Trương Sỹ L sinh ngày 20/06/2009 cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận Chị Đàm Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Sỹ L sinh ngày 20/06/2009 mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Đàm Thị H ngày 12 tháng 3 năm 2018, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Đàm Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trương Văn Q có nơi cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Trương Văn Q đã được Toà án nhân dân huyện Krông Pắc triệu tập đến phiên toà để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trương Văn Q.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đàm Thị H xin được ly hôn với anh Trương Văn Q, HĐXX nhận định: Chị Đàm Thị H và anh Trương Văn Q đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 01 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận. Theo lời trình bày của chị H, sau thời gian ngắn chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nhiều trong cách sống nên thường xuyên xãy ra cải vã, va chạm xúc phạm nhau. Dù

bản thân cả hai vợ chồng đã cố gắng thay đổi để hòa hợp hơn và gia đình hai bên cũng có khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn của vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Vì sống chung với nhau không hạnh phúc nên chị H quyết định đi làm xa ở tỉnh Thái Nguyên từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng anh chị đã sống ly thân được 3 năm, ai biết bổn phận người đó. Ngoài ra tại biên bản xác minh ngày 11/05/2018, 18/06/2018 của Hội Liên hiệp phụ nữ xã E và Ban tự quản thôn T, xã E cho thấy trong thời gian chị H và anh Q sống tại địa phương thì vợ chồng anh chị xãy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, hiện nay vợ chồng anh chị không sống chung với nhau được khoảng 3 năm.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả xác minh đã có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên xảy ra xung đột, xúc phạm nhau. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay, vợ chồng đã hoàn toàn bỏ mặc nhau, ai biết bổn phận người đó, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được."

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Đàm Thị H và anh Trương Văn Q đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Đàm Thị H ly hôn anh Trương Văn Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh Q có 1 con chung là cháu Trương Sỹ L, sinh ngày 20/06/2009. Từ ngày vợ chồng ly thân đến nay cháu L ở với anh Q. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đàm Thị H có nguyện vọng giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và bản thân cháu L cũng có nguyện vọng muốn sống cùng anh Q sau khi ba mẹ cháu ly hôn.Theo kết quả xác minh tại địa phương anh Q có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa hiện nay chị H đi làm xa chưa có chỗ ở ổn định và thu nhập thấp nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Vì vậy áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao con chung cho anh Q tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu L.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đàm Thị H tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) để nuôi cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy việc tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con của chị H là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên cần được chấp nhận.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đàm Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 246 BLTTDS;

- Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, Điều 83 Điều 107; Điều 110; Điều 117; Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị H được ly hôn với anh Trương Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung cháu Trương Sỹ L, sinh ngày 20/06/2009 cho anh Trương Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Chị Đàm Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận việc chị Đàm Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đàm Thị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Đàm Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0001667 ngày 13 tháng 03 năm 2018. Chị Đàm Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Hoàng Long